

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2019/HSST
Ngày 22-8-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Huỳnh Hậu.

Bà Trần Thị Ngọc Thanh.

- T ký phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Tú – T ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Ông Phan Trần Vĩnh Phúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu Hồng D; sinh năm: 1973 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký Hộ khẩu Tổng trú: đường B, Phường K, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: đường P, Phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Hữu T và bà: Ngô Thị Lệ C; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 11/9/2000, bị Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án sơ thẩm số 110/HSST; Ngày 18/6/2003, bị Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án sơ thẩm số 40/HSST; Ngày 10/7/2008, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 03 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án phúc thẩm số 376/HSPT; Ngày 27/01/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án sơ thẩm

số 11/HSST; Ngày 26/8/2014, bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án sơ thẩm số 207/HSST; bị bắt giữ ngày: 30/3/2019, bị tạm giữ ngày: 31/3/2019, bị tạm giam ngày: 03/4/2019.

(Bị cáo có mặt).

- Bị hại:

Bà Nguyễn Ngọc Minh T, sinh năm: 1995 (vắng mặt);

Địa chỉ: đường T, Phường O, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Võ Minh T, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh

2/ Ông Trần Ngọc P, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: đường C, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 30/3/2019, Nguyễn Hồng Hữu D điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 59F2 – 105.32 đến siêu thị Big C Miền Đông Quận O tìm tài sản để chiếm đoạt. Đến 19 giờ cùng ngày, D nhìn thấy chị Nguyễn Ngọc Minh T để xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 60B8- 307.26 trước cửa hàng KFC của siêu thị nên liền để xe của mình tại khu vực đậu xe tải của siêu thị đi bộ lại xe của chị T, dùng cây đoản mở khóa xe. Sau đó, D chạy xe ra hướng cổng siêu thị thì bị lực lượng trinh sát Công an Quận 10 bắt giữ cùng vật chứng giao đến Công an Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vụ việc được Công an Phường 15, Quận 10 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 xử lý.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Nguyễn Hữu Hồng D khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tài sản bị chiếm đoạt là 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 60B8- 307.26. Ngày 31/3/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 ban hành văn bản số 70/YC-CSĐT-TTXH về yêu cầu định giá tài sản. Tại Kết luận định giá tài sản số 223/KL-ĐGTS ngày 06/4/2019 của Hội đồng định giá Tòa án tuyên tài sản trong tố tụng hình sự – Ủy ban nhân dân Quận 10 kết luận: Xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 60B8- 307.26 có trị giá 17.000.000 đồng. Qua xác minh, xe mô tô đứng tên chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn H. Ông H khai đã cho con gái là chị Nguyễn Ngọc Minh T quản lý sử dụng, do là người thân nên không làm giấy tờ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã trả lại cho chị

Nguyễn Ngọc Minh T. Nhận lại tài sản, chị T không bị thiệt hại gì nên không có yêu cầu gì khác.

Ngày 03/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã quyết định khởi tố điều tra đối với Nguyễn Hữu Hồng D về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, số khung: RLHJF3301CY605165, số máy: JF33E-0255182. D khai mua xe của một thanh niên (không rõ lai lịch) với giá 3.000.000 đồng. Qua xác minh, xe mô tô trên có biển số 84K1- 122.92, đứng tên chủ sở hữu là anh Võ Minh T. Anh T khai như sau: Khoảng 19 giờ ngày 13/01/2019, anh T để xe trước siêu thị Big C Miền Đông đường T, Phường K, Quận O, Tp. Hồ Chí Minh thì bị mất xe, nhưng anh không đến Công an trình báo. Giấy đăng ký xe anh T vẫn đang giữ. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả xe cho anh T.

Đối với biển số 59F2 – 105.32, kết quả xác minh là biển số được cấp xe mô tô hiệu Honda Wave do ông Trần Ngọc P đứng tên chủ sở hữu. Hiện ông P đang sử dụng chiếc xe trên, quá trình sử dụng chiếc xe không bị mất bộ phận nào.

Ngoài ra, Cơ quan Công an còn tạm giữ từ D: 01 điện thoại di động hiệu Samsung số imei: 354204/07/565974/8, không liên quan đến vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã giao lại chiếc điện thoại cho vợ của D là bà Nguyễn Thị T quản lý; biển số xe 59F2 – 105.32; 01 đầu đoản, 01 khóa từ và một tuýp L.

Tại bản cáo trạng số 40/CT-VKS ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố: Nguyễn Hữu Hồng D về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo Nguyễn Hữu Hồng D đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Hữu Hồng D đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, bị hại, sau khi nêu lên những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn); đã đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Hữu Hồng D; xử phạt bị cáo: Nguyễn Hữu Hồng D từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát về hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hữu Hồng D không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Đối với người tham gia tố tụng trong vụ án là bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ vụ án có đầy đủ lời khai của họ, được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hữu Hồng D không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày bản luận tội đối với bị cáo Nguyễn Hữu Hồng D, phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[5] Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, qua lời khai nhận tội của bị cáo, đối chiếu với nội dung lời khai của bị hại, bản ảnh khám nghiệm hiện trường, vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Hữu Hồng D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[6] Về tính chất của vụ án: Thực hiện hành vi phạm tội đơn lẻ, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản bị chiếm đoạt không lớn, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu kịp thời.

[7] Về mức độ thực hiện hành vi phạm tội: Bị cáo nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bản thân bị cáo có ý định và sự chuẩn bị trước, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu quản lý tài sản, bị cáo đã chiếm đoạt để sử dụng vào mục đích cá nhân, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình đã thực hiện.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo có quá trình nhân thân xấu nên cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo D.

[10] Bị cáo có hành vi lén lút xâm hại đến quyền sở hữu của người khác. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Do vậy dù có chiều cố đến đâu đi nữa, thì hành vi phạm tội của bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình với mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cụ thể cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tệ nạn tại địa phương.

[11] Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo do bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[12] Về vật chứng của vụ án:

Đối với biển số xe 59F2-105.32 và 01 đầu đoản, 01 khóa từ và một tuýp L bị cáo D sử dụng vào việc phạm tội bị tịch thu tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

[13] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu Hồng D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Hữu Hồng D;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Hồng D 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/3/2019.

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe 59F2-105.32 và 01 đầu đoản, 01 khóa từ và 01 tuýp L.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc: Bị cáo D chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo thì tính từ ngày tuyên án, đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày được giao hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Công an Q.10, PC.53;
- Chi cục THADS Q.10;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Nhân